

Bản án số: 638/2020/HC-PT
Ngày 19 tháng 10 năm 2020
“V/v Khiếu kiện quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh
Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 329/2020/TLPT-HC ngày 26 tháng 5 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3545/2020/QĐPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1954 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 74A Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Đức G, sinh năm 1977;
Địa chỉ: 378 Nguyễn Văn Luông, Phường 12, Quận 6, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2016) – Có mặt;

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố H – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 332 Quang Trung, Phường 10, quận G, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận G: Ông Ngô Văn H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận G (Có mặt).

2.2. Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 12 Phan Đăng Lưu, Phường 7, quận Bình Thạnh, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H: Ông Trần Quốc H¹ – Phó Giám đốc Chi nhánh G (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Tô Văn S, sinh năm 1964 – Vắng mặt;

3.2. Bà Trương Ngọc T¹, sinh năm 1962 – Vắng mặt;

3.3. Chị Tô Thị Hoàng O, sinh năm 1987 – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Số 911/10/9 Quang Trung, Phường 14, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Tô Văn S và Trương Ngọc T¹: Chị Tô Thị Hoàng O (Văn bản ủy quyền cùng ngày 13/3/2018) – Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt;

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Người khởi kiện bà Phạm Thị T.

4.2. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/7/2017 và các đơn kiện bổ sung của người khởi kiện bà Phạm Thị T trình bày:

Năm 2011, vợ chồng ông Tô Văn S, bà Trương Ngọc T¹ vay tiền của bà và đưa cho bà giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 964312, sổ vào sổ H 03091/26881 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 14/9/2006 đối với nhà đất số 911/10/9 Quang Trung, Phường 14 (Số cũ 7/10B Quang Trung, Phường 12). Do ông S, bà T¹ không trả nợ nên bà khởi kiện và Tòa án đã giải quyết bằng Bản án phúc thẩm số 659/2014/DS-PT ngày 20/5/2014. Gần đây bà mới biết ông S, bà T¹ làm đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà đất trên và chuyển nhượng cho con là Tô Thị Hoàng O nhằm tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền số BL 902694, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 04661 ngày 22/02/2013, hủy trang cập nhật chuyển nhượng cho Tô Thị Hoàng O và hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận G.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận G trình bày:

Ông Tô Văn S có đơn cơ mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03091/26881 do Ủy ban nhân dân quận Gò V cấp ngày 14/9/2006 tại Công an Phường và Ủy ban nhân dân quận G có Thông báo số 43/UBND ngày 04/10/2012 về việc cơ mất của ông S, niêm yết công khai từ ngày 04/10/2012 đến ngày 18/10/2012. Đến ngày 05/12/2012, Ủy ban nhân dân Phường 14 niêm yết công khai Danh sách cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Ngày 31/01/2013, Ủy ban nhân dân quận G ban hành Quyết định số 1767/QĐ-UBND hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03091/26881 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 14/9/2006 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông S, bà T¹ là đúng quy định tại Điều 24 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ và Điều 11 Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc bà T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không biết.

Tại Công văn số 6786/VPĐK-TCD ngày 07/6/2019 của người bị kiện Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H trình bày: Thống nhất với nội dung Công văn số 11/CNGV ngày 21/5/2019 của Chi nhánh quận G. Việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Văn S, bà Trương Ngọc T¹ và cập nhật sang tên cho Tô Thị Hoàng O là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Văn S trình bày: Ông không biết việc vay nợ giữa bà T¹ với bà T. Thời điểm ông được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trước ngày Tòa án xét xử việc vay nợ giữa bà T¹ với bà T nên ông yêu cầu giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mới cho ông với bà T¹.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc T¹ trình bày: Bà T có gian dối trong việc vay mượn nợ và ép buộc bà giao nhà cho bà T nên bà đề nghị giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mới cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tô Thị Hoàng O trình bày: Thông nhất yêu cầu của cha mẹ là Tô Văn S, Trương Ngọc T¹.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Áp dụng Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 24 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Điều 11 Thông tư số 20/2010/TT-BTNMT ngày 22/10/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định bổ sung về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Xử:

Không chấp nhận khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số H 03091/26881 ngày 14/9/2006 do Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông bà Tô Văn S, Trương Ngọc T¹, được sửa đổi bởi Quyết định 1378/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận G.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CH 04661 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông Tô Văn S và bà Trương Ngọc T¹ và trang thông tin thay đổi, cơ sở pháp lý chứng nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H cấp cho bà Tô Thị Hoàng O.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/01/2020, người khởi kiện bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại Quyết định số 1434/QĐ-VKS-HC ngày 22/01/2020 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H kháng nghị phúc thẩm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chấp nhận khởi kiện của bà Phạm Thị T. Tại Biên bản làm việc ngày 27/9/2012 thì ông S và bà T¹ trình bày với Tòa án nhân dân quận G là đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ để vay tiền, nên việc ông S trình bày ông không biết bà T¹ giao giấy cho bà T giữ để vay tiền là không đúng sự thật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận G trình bày việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà T¹ là căn cứ vào đơn có mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S được Công an và Ủy ban nhân dân Phường xác nhận, niêm yết đúng thủ tục; Tuy việc kết thúc niêm yết chưa đủ 15 ngày, nhưng sau khi kết thúc niêm yết không có ai tranh chấp, nên việc Ủy ban nhân dân quận G cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà T¹ là đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H nhất trí ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận G.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về hình thức kháng cáo, kháng nghị hợp lệ; về nội dung đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị T và Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt họ, nên việc xét xử vẫn được tiến hành theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là quyết định hành chính trong quản lý đất đai quy định tại khoản 7 Điều 22 Luật đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của trang thông tin thay đổi, cơ sở pháp lý chứng nhận và Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Ủy ban nhân dân quận G là những quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện trong cùng vụ án là đúng quy định tại Điều 6 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Vào năm 2011, bà Trương Ngọc T¹ là người trực tiếp đưa cho bà Phạm Thị T giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 964312, sổ vào sổ H 03091/26881 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 14/9/2006 đối với nhà đất số 911/10/9 Quang Trung, Phường 14 (Số cũ 7/10B Quang Trung, Phường 12) để vay tiền. Tại Biên bản làm việc ngày 27/9/2012 thì ông S và bà T¹ trình bày với Tòa án nhân dân quận G là đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ để vay tiền. Do đó, việc ông Tô Văn S có mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rõ ràng là không đúng sự thật. Mặt khác, khi chưa hết thời hạn thì Ủy ban nhân dân Phường 14 đã kết thúc việc niêm yết thông báo mất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Văn S là không đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 16/2011/TT-BTNMT ngày 20/5/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Ủy ban nhân dân quận G đã căn cứ vào hồ sơ của ông Tô Văn S xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do không đúng sự thật để từ đó ban hành Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 964312, sổ vào sổ H 03091/26881 ngày 14/9/2006 và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở sổ vào sổ CH 04661 ngày 22/02/2013 là không đúng quy định của pháp luật, và vì vậy trang thông tin thay đổi, cơ sở pháp lý chứng nhận của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H cấp cho bà Tô Thị Hoàng O cũng là không hợp pháp.

Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, sửa Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Do sửa Bản án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại như sau:

4.1. Người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

4.2. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T và chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 77/2020/HC-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố H.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Hủy Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận G về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số H 03091/26881 ngày 14/9/2006 do Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông bà Tô Văn S - Trương Ngọc T¹, được sửa đổi bởi Quyết định 1378/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban nhân dân quận G.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 902694, sổ vào sổ CH 04661 ngày 22/02/2013 của Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông Tô Văn S - bà Trương Ngọc T¹ và hủy trang thông tin thay đổi, cơ sở pháp lý chứng nhận cho bà Tô Thị Hoàng O của Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H ngày 25/4/2013.

2.2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

2.2.1. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0034500 ngày 21/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

2.2.2. Ủy ban nhân dân quận G phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*);

2.2.3. Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố H phải nộp án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*);

3. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu số 0045723 ngày 25/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Văn Công

